

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2370/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 499/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3436/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 3938/2022/QĐ-HPT ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 (*Có đơn xin vắng mặt*);

Nơi cư trú: T3B Tháp B, M, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Anh T, sinh năm 1978 (*vắng mặt*);

Địa chỉ thường trú: 56B đường H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: 64 Đường M, Khu phố N, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/02/2022, Bản tự khai ngày 06/4/2022, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 28/4/2022, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thanh H trình bày:

Bà Nguyễn Thanh H và Ông Phạm Anh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, Quyền số 01/2010. Trong thời gian chung sống, bà và Ông T thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, lối sống. Ông T thường xuyên làm ăn thua lỗ, nợ nần dẫn đến cuộc sống gia đình lâm vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn, túng quẫn. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cứ âm ỉ kéo dài khiến hôn nhân ngột ngạt nên đến tháng 11/2020 bà và Ông T đã quyết định sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống của mình. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và Ông T có 01 con chung là trẻ Phạm Anh K, sinh ngày 30/11/2011. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi trẻ K 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng/tháng). Thời gian giao tiền từ ngày 01 đến 05 hàng tháng. Bắt đầu thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn – Ông Phạm Anh T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ngày 12/4/2022, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản Hòa giải ngày 28/4/2022, Ông T trình bày:

Ông T xác nhận lời trình bày của bà H về việc chung sống, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn xảy ra là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông bận công việc không chia sẻ với vợ những suy nghĩ, công việc của mình. Công việc làm ăn không thuận lợi, thường xuyên thua lỗ dẫn đến nợ nần. Bản thân ông có nhiều khuyết điểm, thiếu sót, tuy nhiên ông xác định vẫn còn tình cảm với bà H do đó ông không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H, mong muốn có cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là trẻ Phạm Anh K, sinh ngày 30/11/2011. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao trẻ K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ K theo yêu cầu của bà H và giao tiền vào ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn Bà Nguyễn Thanh H yêu cầu ly hôn với bị đơn Ông Phạm Anh T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông T cư trú tại thành phố Thủ Đức, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa ngày 16/6/2022, bị đơn – Ông Phạm Anh T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiếp tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho Ông T, triệu tập Ông T có mặt tại Tòa án nhân dân hành phố Thủ Đức vào lúc 08 giờ ngày 29/6/2022 để tham gia phiên tòa, nhưng Ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy Ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của Ông T không thuộc sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Do đó, theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông T.

[3] *Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và giải quyết khiếu nại nếu có:*

Ngày 28/4/2022, Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Các bên đã biết rõ tất cả và không khiếu nại các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không đề nghị Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ, triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Đương sự khởi kiện có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ và hợp pháp, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó và chịu trách nhiệm về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của mình theo quy định tại Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia quá trình giải quyết vụ án và cung cấp các chứng cứ, tài liệu liên quan nhưng vắng mặt, phải chịu trách nhiệm vì sự vắng mặt của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định.

[4] *Về nội dung:*

[4.1] Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định Bà Nguyễn Thanh H và Ông Phạm Anh T chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, Quyền số 01/2010. Do đó, hôn nhân giữa bà H và Ông T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H và Ông T cùng xác nhận trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc làm ăn của Ông T không thuận lợi, thường xuyên thua lỗ dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng đến

cuộc sống gia đình, mâu thuẫn âm ỉ kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh.

Xét thấy, mặc dù Ông T trình bày bản thân vẫn còn tình cảm với bà H, ông nhận ra khuyết điểm của bản thân và mong muốn hàn gắn tình cảm, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng bà H vẫn kiên quyết đề nghị ly hôn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, không ai quan tâm tới ai, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống của mình, trong thời gian sống ly thân đến nay, hai bên cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm, nhận thấy hôn nhân giữa bà H và Ông T chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, bà H yêu cầu ly hôn với Ông T là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà H và Ông T cùng xác nhận ông bà có 01 con chung là trẻ Phạm Anh K, sinh ngày 30/11/2011. Xét yêu cầu của bà H và Ông T về việc giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung mong muốn được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và Ông T về việc Ông T thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng thực hiện từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

[4.3] Về tài sản chung: Ông T và bà H xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Ông T và bà H xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H có yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí. Ông T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thanh H.
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H được ly hôn với Ông Phạm Anh T;
 - Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa Bà Nguyễn Thanh H và Ông Phạm Anh T về việc giao con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 30/11/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ K 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng/tháng) cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Thời gian cấp dưỡng thực hiện từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Bắt đầu thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà H xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Ông T và bà H xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0025859 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, Ông T chưa nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- UBND P. 12, Quận B, Tp. HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án;
- Đăng trên Cổng thông tin điện tử./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thu